

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1972, địa chỉ: Số A H, khu C phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; CCCD số: 030172002241.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Xuân T**, sinh ngày 05/8/1964; nơi đăng ký thường trú: Số A H, khu C phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện ở Liên bang N.

Các đương sự đều vắng mặt, nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu kèm theo, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn năm 1991 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2000 ông T đi Nga làm kinh tế. Sau đó ông T có về Việt Nam thăm gia đình một lần rồi lại sang Nga tiếp tục làm việc. Từ năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà H ly hôn ông T.

- Về quan hệ con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Đinh Thúy H1 sinh ngày 15/4/1993 và Đinh Xuân T1 sinh ngày 24/10/2005. Hiện 02 con chung đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bà H đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại các biên bản lấy lời khai, chị Đinh Thúy H1 trình bày:

Chị H1 là con gái của bà H và ông T. Khoảng năm 2000 ông T đi Nga, thỉnh thoảng có về Việt Nam thăm nhà nhưng chỉ về khoảng 01 tháng rồi lại đi. Chị H1 sinh sống cùng bà H, ông T đến khi lớn lên lập gia đình thì cũng ở gần nhà nên chị H biết được tình trạng hôn nhân của bà H, ông T. Khoảng năm 2018 bà H, ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có gia đình khác ở Nga, bà H và ông T không có tiếng nói chung. Từ năm 2018 đến nay bà H, ông T không liên lạc với nhau. Hiện nay bố mẹ đẻ của ông T tức là ông bà nội chị H1 đều trên 80 tuổi, không biết dùng điện thoại, trong gia đình ông T chỉ liên lạc với chị H1. Chị H1 không biết địa chỉ cụ thể của ông T ở Nga nên không thể cung cấp cho Toà án nhưng chị H1 đồng ý nhận các văn bản của Toà án và cam kết sẽ thông báo ngay cho ông T. Thực tế chị H1 cũng đã thông báo cho ông T việc Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn theo đơn của bà H, ông T đã biết về nội dung vụ án và có quan điểm như sau:

- Về hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung gồm là Đinh Thúy H1 sinh năm 1993 và Đinh Xuân T1 sinh ngày 24/10/2005. Hiện 02 con chung đều đã thành niên, có khả năng tự lao động nên ông T không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Công văn số 868/QLXNC ngày 25/3/2025, Phòng Q – Công an tỉnh H cung cấp ông T xuất cảnh gần nhất ngày 04/7/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho bà Phạm Thị H ly hôn ông Đinh Xuân T; bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà H đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn với ông T. Bà H, ông T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng ông T hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã H (nay là phường C, thành phố H) ngày 19/11/1991 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà H cho rằng từ năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng, từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị H1 con gái ông T trình bày ông T có gia đình khác ở Nga, ít khi về Việt Nam và cũng không liên lạc với bà H. Xét thấy ông T ở Nga nhiều năm, vợ chồng ly thân đã lâu và cắt đứt liên lạc, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H xin ly hôn thì thông qua chị H1, ông T có quan điểm đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho bà H ly hôn ông T.

[3] Về quan hệ con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Đinh Thúy H1 sinh năm 1993 và Đinh Xuân T1 sinh ngày 24/10/2005. Hiện con chung đều trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nên không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Ông T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu ông T yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị H ly hôn ông Đinh Xuân T.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng bà Phạm Thị H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/3/2025 theo biên lai ký hiệu BLTU/24, số 0001702; bà H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C, TP HD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Yên